TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST Ngày 24-04-2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hoài.

2. Bà Vương Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Linh Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị Q; sinh năm: 1987; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn Gi, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 17/09/2023 của nguyên đơn và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Văn B trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 29 tháng 09 năm 2010 vợ chồng chị đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, có xảy ra đánh chửi nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận. Hai bên gia đình, bạn bè cũng có khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau

làm ăn, xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả. Hiện nay Chị Q đã sống ly thân với Anh B từ tháng 8/2023 đến nay, Chị Q và con gái sống tại Thôn Gi, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang. Nhận thấy mâu thuẫn đã không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên Chị Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011. Khi ly hôn Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn B trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 26/12/2024 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung:

Quá trình Anh B và Chị Nguyễn Thị Q tìm hiểu tự nguyện, kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 29/09/2010 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang chúng sống, có con chung và không có tài sản chung, công nợ chung như Chị Nguyễn Thị Q trình bày là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo Anh B thì anh và Chị Q chỉ xảy ra những cuộc cãi vã, chửi nhau một vài lần, sau đó do không có việc làm ổn định và lại cãi nhau với Chị Q vì vậy anh chuyển về sống hẳn cùng bố mẹ đẻ tại thôn L, xã V, huyện V từ thang 9/2023 đến nay. Nên Chị Q viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết ly hôn với Anh B, quan điểm của Anh B là vợ chồng vẫn còn tình cảm và khắc phục được nên Anh B không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011. Nếu trong trường hợp phải ly hôn quan điểm của Anh B muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Lan H đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/01/2024 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Q và Anh Nguyễn Văn B đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang. Khoảng năm 2010 Chị Q và Anh B về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011. Vợ chồng Chị Q, Anh B về chung sống ở thôn L được một thời gian đến khoảng năm 2012 hai vợ chồng cùng đi làm thuê ở công ty tại xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang. Quá trình đi làm thuê Chị Q, Anh B không chuyển hộ khẩu mà vẫn thường xuyên đi lại về nhà. Trong thời gian sinh sống tại thôn L, xã V chính quyền địa phương không thấy Chị Q và Anh B có mâu thuẫn gì lớn *(do chưa thấy có báo cáo chính quyền can thiệp)* nhưng khi hai vợ chồng đi làm thuê tại xã Thanh Thủy thì mới phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì thôn không nắm được. Đến khoảng năm 2020 Anh Nguyễn Văn B không đi làm thuê nữa mà chuyển về địa

phương để sinh sống, còn Chị Q vẫn tiếp tục sinh sống cùng con gái tại thôn Gi, xã Th và không thấy Chị Q về chung sống với Anh B tại thôn L nữa.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Q giữ nguyên quan điểm *Về quan hệ hôn nhân* xin được ly hôn Anh Nguyễn Văn B; *Về nuôi con chung* Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu Anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng con. *Về tài sản, công nợ chung* Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B trình bày hiện anh không đi lái xe theo hợp đồng cho thủy điện Sông Lô 5, tại C, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang nữa mà ở nhà lái xe thuê tự do ai thuê thì lái. Anh B giữ nguyên quan điểm mong muốn đoàn tụ, không nhất trí ly hôn với Chị Nguyễn Thị Q. Về nuôi con chung trong trường hợp phải ly hôn Anh B muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011 đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của Chị Nguyễn Thị Q đối với Anh Nguyễn Văn B.

2.Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn Anh Nguyễn Văn B.

3.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011 cho Chị Nguyễn Thị Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu

Hg trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 24/04/2024. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị Q và Anh B đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Q về việc xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn B được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và Anh Nguyễn Văn B trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/09/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Việt Lâm, huyện V, tỉnh Hà Giang nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa Chị Q và Anh B là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, có xảy ra đánh chửi nhau, cuộc sống không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Q mới có đơn xin ly hôn với Anh B. Tại các bản trình bày ý kiến và lời khai của Anh Nguyễn Văn B đều thể hiện quan điểm không nhất trí ly hôn với Chị Nguyễn Thị Q. Tuy nhiên qua quá trình xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp và quá trình xác minh tại địa phương HĐXX nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Q và Anh B mâu thuẫn thực sự đã đến mức trầm trọng, tình cảm, sự tôn trọng, yêu thương nhau giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2023 cho đến thời điểm hiện tại do vậy yêu cầu xin ly hôn của Chị Q đối với Anh B là phù hợp theo khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Q và Anh B cùng xác định có một con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011. Tại phiên tòa Chị Q và Anh B đều giữ nguyện vọng xin được nuôi con chung. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng nguyện vọng của Chị Q nhận nuôi cháu Nguyễn Thị Lan H *(theo nguyện vọng của cháu H)* là phù hợp và bảo đảm cuộc sống cho cháu H vì hiện nay cháu H đã đăng ký hộ khẩu, sinh sống, sinh hoạt, học tập ổn định tại Thôn Gi, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang và ở với Chị Q nơi Chị Q có công việc, thu nhập ổn định. Mặt khác

cháu H là con gái đang trong lứa tuổi dậy thì nên rất cần sự quan tâm, dạy dỗ của người mẹ, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của cháu H cũng như ổn định việc học tập đang giữa kỳ, giữa cấp học của cháu. Ngoài ra theo trình bày của Anh B tại phiên tòa từ khi sống ly thân với Chị Q đến nay Anh B không đi thăm, chu cấp tiền nuôi cháu H được do Anh B đã nghỉ lái xe theo hợp đồng cho Công ty thủy điện Sông Lô 5, tại C, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang ở nhà chăm sóc bố, mẹ già và lái xe thuê tự do không có hợp đồng, công việc và thu nhập không ổn định nên không có điều kiện đi thăm và cấp dưỡng cho cháu H. Do đó HĐXX nhận thấy để đảm bảo điều kiện sống, sinh hoat, học tập ổn định cho cháu H cần giao cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011 cho Chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 24/04/2024 là hoàn toàn phù hợp. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Q và Anh B đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q và Anh Nguyễn Văn B thỏa thuận tại phiên hòa giải Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q và Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của Chị Nguyễn Thị Q đối với Anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với Anh Nguyễn Văn B.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 04/01/2011 cho Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn Gi, xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 24/04/2024.

Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002678 ngày 31 tháng 10 năm 2023 (*Chị Q đã nộp đủ án phí)*. Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q và Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/04/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *UBND xã V;*
- *Chi cục THA dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Thúy **Trần Thị Hoài** **Trần Xuân Đạt**